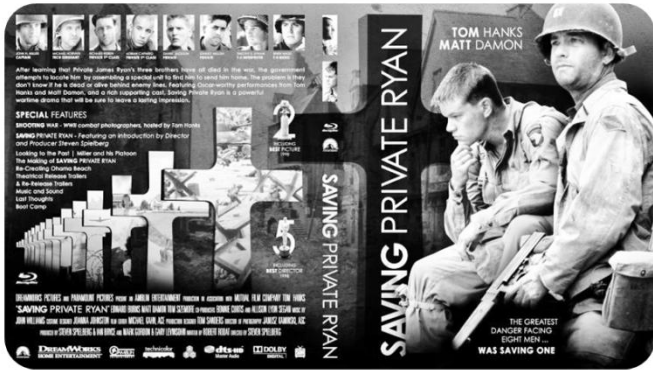


XEM
FILM
GIẢI
CỨU
BINH
NHÌ
RYAN



NGHĨ VỀ MỘT BÀ MẸ VIỆT NAM

Lời tòa soạn: Không cần phải có cả một bộ sách để nói lên cái độc ác, cái phi nhân tính của những “con người cộng sản”; nếu còn xem họ là con người. Hãy đọc câu chuyện có thật sau đây được viết bởi nhà văn Đào Hiếu. Tưởng cũng nên nhắc lại, Đào Hiếu, một thời, được xem là “nhà văn của chế độ”, con cưng trong “hội nhà văn yêu nước”, nhưng từ khi được “sáng mắt sáng lòng” nhà văn này đã khước từ những quyền lợi dành cho một nhà văn “con cưng của chế độ”, điều mà nhiều nhà văn khác khao khát có được, để chọn thế đứng về phía cái đúng, đã can đảm về lại những hoạt cảnh đời thực thật độc ác của xã hội Việt Nam trong thời cộng sản, thật man rợ, phi nhân tính.

Nay, xin mời quý độc giả của Đa Hiệu đọc một bài viết của Đào Hiếu để thấy đây là một nhà văn đích thực: Sống giữa lòng xã hội cộng sản, anh đã vượt qua được nỗi sợ hãi, để nói lên cái độc ác có một không hai của con người cộng sản, dù chỉ qua một bài viết về người thật việc thực rất ngắn (Xem Film Giải Cứu Binh Nhì Ryan, Nghĩ Về Một Bà Mẹ Việt Nam). Bên cạnh đó, là người sống giữa lòng chế độ cộng sản, anh vẫn cảm nhận được tính nhân bản của người lính Hoa Kỳ, cho dù chỉ được thể hiện qua một cuốn phim,

nhưng anh biết đó là sự thật được thể hiện qua film ảnh, chứ không phải là “điện ảnh tuyên truyền” như của “nhà nước ta”.

Nguyễn Phan K24, Chủ bút Đa Hiệu

Tất nhiên tôi không có ý định kể lại câu chuyện trong phim Giải Cứu Binh Nhì Ryan của đạo diễn Steven Spielberg, do diễn viên Tom Hanks thủ vai chính.

Và tôi cũng không muốn làm công việc của một người phê bình điện ảnh để phân tích xem phim hay, dở thế nào.

Nhưng từ lâu tôi vẫn ôm ấp ý định viết về bộ phim nổi tiếng này, bởi vì ở Việt Nam, thời chiến tranh chống Mỹ cũng từng có một câu chuyện mang một thứ triết lý nhân bản kiểu như vậy *nhưng lại là một thứ nhân bản lộn đầu*. Nó bị đé ngược, với hai chân ra trước. Nó là một thứ nhân bản màu máu, mang diện mạo của “chiến tranh nhân dân” trong khi thứ nhân bản trong phim Giải Cứu binh Nhì Ryan có màu xanh của biển cả và bầu trời.

Chuyện giải cứu binh nhì Ryan xảy ra vào giữa năm 1944 trong Thế chiến thứ 2 khi quân Mỹ đổ bộ lên vùng Normandy nước Pháp. Một biệt đội gồm 8 người do đại úy Miller chỉ huy được thành lập chỉ để đi giải cứu một anh binh nhì tên là Ryan theo lệnh của Tổng tham mưu trưởng quân đội Hoa kỳ, tướng Marshall.

Ryan là đứa con cuối cùng còn sống sót của một bà mẹ đã có ba đứa con trai chết trận. Vì thế bằng mọi giá phải đem Ryan trở về với người mẹ đau khổ ấy.

Trong cuộc giải thoát này, sáu người trong số tám người của biệt đội do đại úy Miller chỉ huy đã chết, trong đó có Miller.

Biệt đội chỉ còn lại 2 người nhưng họ đã đem được người chiến sĩ dũng cảm, binh nhì Ryan, về với mẹ.

Câu chuyện ở Việt Nam thì ngược lại

Nó xảy ra trong một hang đá ở xã Quế Tân thuộc tỉnh Quảng Nam vào mùa đông năm 1969...

Trong cái hang đá kinh hoàng ấy cũng có một người mẹ tên Lê Thị Nghệ 32 tuổi và một đứa con trai tên Lê Tân, 3 tháng tuổi.

Lính Mỹ càn quét qua làng Quế Tân. Thông thường, trong những trường hợp như thế, người dân thường bồng bế nhau chạy về thành phố lánh nạn. Nhưng hôm đó những người du kích Việt cộng đã buộc dân cùng họ chạy trốn vào hang Hòn Kẽm ẩn núp. Bé Lê Tân (con của bà Lê Thị Nghệ) đói sữa khóc liên tục không cách gì dỗ cho nín.

Sợ bị lộ, những người du kích đã gây áp lực để bà Nghệ giết chết đứa con ba tháng tuổi của mình.

Nếu những người lính Mỹ trong biệt đội của đại úy Miller đã hy sinh để bảo vệ đứa con trai của một bà mẹ đau khổ, thì ở cái hang Hòn Kẽm này, những người du kích đã buộc người mẹ phải giết con mình để cho họ được sống.

Đó là thứ đạo lý gì vậy? Sao nó lại từng được ca ngợi như một “huyền thoại mẹ”, được “cải biên” thành một sự hy sinh thần thánh của người mẹ Việt Nam anh hùng “vì đại nghĩa mà giết chết con mình”? Báo Tuổi Trẻ Online số ra ngày 09/6/2008 đã viết lại vụ này ở góc độ là: Chính dân làng trốn trong hang đã khuyên bà Nghệ hy sinh đứa con để cứu mọi người.

Nhưng đoạn văn sau đây đã để lộ sơ hở:

- “Súng vẫn nổ, mọi người ngồi trong hang cứ nghĩ lính biệt kích Mỹ đang đến gần hang rồi. Lúc này mọi người ngậm ngùi đành nghe theo mấy anh du kích, lại động viên cô Năm: “Thôi cô hi sinh đứa con đi...!”.

- Bà Năm hôn núm ruột đang khóc: “Mẹ không bao giờ bỏ con, nhưng vì để cứu dân làng, con phải ra đi...”. Sau khi cháu tắt thở, bà cởi chiếc áo trong người trùm con lại. Bà bế thi thể của con, bò lên khỏi miệng hang về hướng tây 100m, mặc cho mưa rơi, mặc cho đạn pháo bắn rền vang, bà dùng hai tay móc đất ướt lạnh để an táng con mình.”

Sơ hồ thứ nhất:

- Rõ ràng là bà Nghê không tự nguyện giết con mà là dân làng “đành nghe theo các anh du kích” làm áp lực buộc bà Nghê giết con.

Sơ hồ thứ hai:

- Bà Nghê hoàn toàn có thể “ra khỏi hang 100 mét để dùng tay móc đất đào huyết chôn con”, điều đó chứng tỏ bà không sợ lính Mỹ giết (vì họ giết bà để làm gì?). Từ khi bà Nghê bông xác con ra khỏi hang, đi 100 mét, cho đến khi đào xong một cái huyết bằng tay không xong, cũng mất ít nhất một tiếng đồng hồ. Điều đó chứng tỏ lính Mỹ còn ở xa. Và rõ ràng rằng lúc ấy, thay vì giết con, bà hoàn toàn có thể bế con đi ẩn náu một chỗ khác để tiếng khóc của cháu bé khỏi gây nguy hiểm cho mấy anh du kích. Hơn nữa, với đứa bé 3 tháng tuổi trên tay, bà hoàn toàn có thể đi về làng, chẳng những không bị ai giết mà có khi mẹ con bà còn được giúp đỡ.

Vậy thì tại sao bà phải giết con?

- Đó chỉ có thể là do một quyết định man rợ.
- Đó là một quyết định hèn nhát và phi nhân tính.

Và sự kiện ấy đã nói lên một chi tiết rất cay đắng, đó là: những người du kích không dám cho dân làng bỏ đi vì họ cần một đám đông quần chúng để trà trộn vào, như cách mà du kích vẫn thường sử dụng để thoát được kẻ thù.



Người mẹ “huyền thoại” ấy đến nay vẫn còn sống: quá queo, tàn héo và đói rách. Không một ai đoái hoài, không một chút tiền trợ cấp, không một lời xin lỗi.

Bài báo nêu trên cũng đã viết về gia đình người mẹ ấy hiện nay như sau:

“Bây giờ con trai của bà Năm đã ra đi gần 40 năm và 33 năm đất nước thanh bình. Gần 200 người dân thôn Trà Linh ngày ấy bây giờ nhân lên gấp ba, đời sống tuy nghèo nhưng vẫn còn may mắn hơn bà

Năm. Con gái còn lại – chị Lê Thị Liên – có chồng, có một con trai, bây giờ cũng nghèo lắm. Hiện nay vợ chồng chị lên tận Nông trường Phước Đức, huyện Phước Sơn (Quảng Nam) nhận chăm sóc khoán 4ha cao su. Vì ở xa quá, anh chị cũng ít khi về thăm mẹ.

Bà Năm giờ ở một mình trong căn nhà tạm của con gái. Hiện nay bà đang bị nhiều bệnh và sống dưới mức nghèo khổ. Ngoài sự giúp đỡ của bà con lối xóm cùng chạy trú trong hang thời đó thì bà không được Nhà nước trợ cấp một chút gì(!). Có mấy lần chị Liên làm đơn xin trợ cấp cho mẹ, nhưng ngành Lao động – Thương binh và Xã hội các cấp đều trả lời: - không biết xếp mẹ con bà vào diện chính sách gì.

Vì ám ảnh triền miên, nhiều năm qua tâm trí bà tỉnh điên lẫn lộn. Chiếc khăn quấn xác của đứa con ngày xưa, đến nay bà vẫn còn giữ và coi đó là “báu vật” bất ly thân. Đêm cũng như ngày, khi không tỉnh bà bé chiếc khăn đó hát ru. Rồi có những khi bà đốt nhang, một mình vào rừng, miệng nói lầm bầm đi tìm mộ con. Nhưng mộ con của bà đã mất dấu tích sau khi an táng do mưa quá lớn.”

Đào Hiếu

Người đàn bà trên cầu Nitelva



Phạm Tín An Ninh

Thực ra cây cầu không có tên, nhưng có lẽ vì nó bắc ngang qua đoạn quanh co và đẹp nhất của dòng sông Nitelva, nên người dân ở địa phương này thường gọi như thế. Đây là đoạn cuối cùng của một con sông lớn trước khi đổ ra biển.

Sau khi các con đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, vợ chồng tôi bán ngôi nhà rộng cũng nằm bên bờ sông này, nhưng ở tận vùng Fjerdingsby xa xôi, về đây mua căn nhà nhỏ trong một khu apartment, nằm khá xa thành phố. Chỉ làm việc thêm một năm là đến tuổi về hưu. Sống trong vùng ngoại ô tỉnh mịch này, cả ngày không biết làm gì, ngoài cái thú đọc sách và đi bộ. Ở đây khá lâu rồi, nhưng lúc ấy còn phải đi làm, mùa hè thì bận bịu chuyện sửa sang nhà cửa, mùa đông thì chỉ nằm nhà hoặc bay sang Mỹ thăm con nhân dịp nghỉ lễ Phục Sinh, nên chúng tôi không biết gần bên nhà có một con đường đi bộ đẹp và thơ mộng đến như thế. Sau này, khi đã về hưu, nhờ ông bà láng giềng người bản xứ giới thiệu và rủ đi bộ, chúng tôi mới biết.

Con đường tráng nhựa đen bóng, lớn như những tỉnh lộ trong vùng, nhưng đặc biệt chỉ dành riêng cho người đi bách



bộ. Chạy quanh co xuyên qua cánh rừng đầy những loại hoa dọc theo bờ sông Nitelva, đến khúc sông đẹp nhất, là một chiếc cầu đúc bắc qua để tiếp tục đến một khu rừng khác, nhưng bây giờ là cánh rừng thông với những hàng cây cao, thẳng tắp, che kín cả mặt trời.

Chúng tôi khởi sự đi bộ vào đầu mùa hè, bởi mùa đông con đường và cả khu rừng ngập đầy tuyết, dòng sông đóng cứng băng, chẳng ai có hứng thú. Chúng tôi thường đi vào



buổi chiều tàn, vắng người. Mùa hè Bắc Âu trời tối muộn. Có những hôm, đến 12 giờ đêm mà vẫn còn chói chang ánh nắng mặt trời. Hôm đầu tiên và suốt cả tuần sau đó, khi đến

giữa cây cầu, chúng tôi thấy một người đàn bà Á châu. Không biết bà đã đến đây từ lúc nào, nhưng khi vừa bước lên cầu chúng tôi đã thấy bà đứng bất động bên thành cầu nhìn đăm đăm xuống dòng sông, như không hề để ý đến mọi điều chung quanh. Muốn chào, hỏi thăm bà đôi câu, nhưng không dám, ngại làm mất đi cái không khí yên tĩnh riêng tư của bà.

Mãi một hôm, trên đường trở về, khi đến gần đầu cầu, trời đang nắng bỗng đổ xuống một cơn mưa rào, chúng tôi chạy vào trú mưa dưới một tán cây khá lớn, bất ngờ gặp bà đứng sẵn ở đó. Bà gật đầu chào và kéo bà xã tôi đứng sát bên bà để tránh mưa tạt. Rất vui khi biết bà là người đồng hương, đến định cư ở nước Bắc Âu xa xôi này từ khá lâu, năm 1979. Nhìn mái tóc bạc, tôi đoán bà cao tuổi hơn mình. Trông bà hiền lành, nói năng từ tốn, thỉnh thoảng nở nụ cười, nhưng khó tìm được nét vui nào, bởi đôi mắt thật buồn. Và không ngờ cơn mưa rào hôm ấy đã đưa chúng tôi trở thành những người bạn già đồng hương sống đời lưu lạc.

Bà cho biết, bởi hoàn cảnh đặc biệt, nên hơn hai mươi năm nay, từ khi dọn về sống ở vùng này, bà không quen biết ai. Bà muốn sống yên lặng một mình trong căn nhà nhỏ, riêng tư với những nỗi niềm quá lớn của mình.

-Tôi vẫn muốn giữ lấy quá khứ buồn bã cho riêng mình, cứ sợ chia sẻ với người khác thì mình sẽ chẳng còn lại cái gì hết.

Lần đầu tiên, khi đến thăm chúng tôi bà tâm tình như thế.

Tôi nói như để an ủi bà:

-Người ta thường nói lời phân ưu, chia buồn. Nhưng thực ra cũng chỉ là một cách an ủi thôi. Chứ làm sao có thể chia sẻ được nỗi buồn của người khác. Tuy nhiên, khi nói ra cũng là cách để làm nhẹ bớt những gì cứ đè nặng trong lòng mình đi chị ạ.

Sau đó bà thường đến chơi và càng lúc càng thân tình với vợ chồng tôi. Bà bảo thấy rất hợp với chúng tôi, vì có cùng những hoàn cảnh, hoạn nạn, và giờ thì đang cùng "sống ở

cuối trời quên lãng" tận xứ Bắc Âu này. Sau những lần qua lại, quen thân, Bà đề nghị kết nghĩa chị em với vợ chồng tôi, chúng tôi gật đầu, bà ôm chầm lấy chúng tôi nước mắt sục sùi, bảo là bà chỉ có một cô con gái, nhưng phải sống ở trong Trung Tâm dành cho người bị bệnh tâm thần, mất trí nhớ.

Trung Tâm này khá lớn nằm trong khu vực chúng tôi đang ở. Chúng tôi đã từng đi qua lại rất nhiều lần, nhưng không biết đó là một trung tâm như thế.

Chiều hôm sau, chúng tôi cùng đi bộ theo bà đến thăm cô con gái. Không ngờ đây là một cơ sở rất qui mô, có nhiều bác sĩ đảm trách. Cứ một bác sĩ phụ trách mười bệnh nhân, và mỗi bệnh nhân có riêng một y tá trực tiếp săn sóc, dẫn dắt đi chơi, mỗi năm có hai lần đi du lịch nước ngoài tùy theo hoàn cảnh, xuất xứ của mỗi người.

Cô bé trông khá xinh, nhưng đôi mắt thất thường. Có khi đang thật buồn, bất ngờ trở nên giận dữ. Đường như đôi lúc vẫn còn nhận ra mẹ, nên sau vài phút xa lạ, lại ôm vai và vuốt tóc mẹ. Khi mới đến, cả bà và vợ chồng tôi đã được dặn dò, bất cứ tình huống nào cũng luôn nở nụ cười. Có khi cô bé cũng cười với chúng tôi, nhưng bất chợt sa sầm nét mặt. Tôi nhìn thấy bà cười, nhưng có dòng lệ ứa ra từ khóe mắt. Trên đường về, thấy bà trầm ngâm, chúng tôi tìm cách đi sau bà, tôn trọng sự yên lặng và những suy nghĩ trong đầu bà. Đã có hẹn trước, chúng tôi mời bà về nhà dùng cơm tối với chúng tôi. Biết sở thích của bà, bà xã tôi đã cuốn sẵn chả giò, về nhà chỉ chiên lên là xong.

Tối hôm ấy, bà ở lại với chúng tôi, và ngồi kể lại cuộc đời mình. Bà cho biết đây là lần đầu và cũng là lần duy nhất bà kể những điều này, bởi bà xem chúng tôi như người thân trong nhà, và có thể sau này có đôi điều cần thiết phải nhờ đến chúng tôi.

Trước ngày mất nước, chồng bà là thiếu tá Pháo Binh thuộc Quân Đoàn I. Ông là bạn học cùng lớp với ông anh cả của bà. Hai người làm đám cưới ở Nam Định, lúc bà vừa đúng 18 tuổi. Sau đó theo về sống cùng nhà chồng, ở thành

phố Hải Phòng. Nhưng chỉ mấy tháng sau thì xảy ra chuyện Hiệp Định Genève, chia đôi đất nước, bà theo gia đình chồng xuống tàu há mồm di cư vào Nam, trong lúc cả gia đình của bà vẫn còn kẹt lại. Ngoài cha mẹ, bà chỉ có một người anh duy nhất, là bạn cùng học ở Hà nội với ông chồng.

Vào miền Nam, chỉ có một lần duy nhất bà nhận được tấm bưu thiếp của gia đình với đôi dòng vắn tắt, rồi bật tin luôn. Nuốt bao đau đớn vào lòng, bà cố quên đi nỗi buồn chia ly, để cùng gia đình chồng tìm kế sinh nhai trên vùng đất mới, giúp chồng tiếp tục con đường học vấn dở dang.

Sau ba năm đại học, ông đi dạy toán ở một vài trường trung học tư thục để lo cho gia đình. Khi ấy ông bà cũng vừa có đứa con trai đầu lòng. Mấy năm sau, do tình hình chiến tranh ngày một leo thang, ông theo lệnh gọi nhập ngũ vào Trường Sĩ Quan Thủ Đức. Sau đó được chọn theo học Ngành Pháo Binh.

Ra trường, ông lần lượt chuyển về phục vụ tại các đơn vị Pháo Binh của các Sư Đoàn Thuộc Vùng 3, rồi Vùng 2. Khi thăng cấp Thiếu Tá, đang làm Tiểu Đoàn Phó, ông được chọn sang Mỹ học một khóa chuyên môn. Về nước, được bổ nhiệm về Trường Pháo Binh Dục Mỹ để đảm trách huấn luyện. Năm 1971, tình hình chiến sự Vùng 1 trở nên quyết liệt, sau những thiệt hại nặng nề trong cuộc hành quân Hạ Lào Lam Sơn 719, ông được chọn bổ sung cho Pháo Binh Quân Đoàn I. Bà và ba đứa con di chuyển theo ông, thuê căn nhà nhỏ ở thành phố Đà Nẵng. Bà lo việc học hành cho mấy đứa nhỏ, ông ở đơn vị, mỗi tuần một đôi lần về thăm. Có khi bận hành quân cả tháng mới về được một lần rồi vội vã ra đi.

Đầu tháng ba 75, thấy tình hình có nhiều dấu hiệu bất lợi, ông thu xếp cho vợ và ba đứa con về lại Sài gòn, tá túc tạm thời với gia đình người em, một sĩ quan Hải quân, đang làm việc ở Hải Quân Công Xưởng. Hôm đưa ra phi cơ, ông ôm bà và hai đứa con thật chặt, không muốn rời nhau. Không ai ngờ đó lại là dấu hiệu của biệt ly.

Ngày 11.3 Ban Mê Thuột thất thủ. Cuộc di tản từ Pleiku theo tinh lộ 7 B đã kết thúc số phận của các đơn vị thuộc Quân Đoàn II, từng tạo nên những chiến công hiển hách, đặc biệt đã đánh tan mấy Sư đoàn Cộng quân của Mặt Trận B3, để giữ vững Kontum và Tây Nguyên trong suốt mùa hè khói lửa 1972. Rồi tiếp theo là lệnh bỏ Quân Đoàn I của vị tướng lừng danh Ngô Quang Trưởng. Không mấy ai tin là ông sẽ bỏ vùng đất địa đầu từng thấm đẫm máu đào của hàng vạn sinh linh, đồng đội, một thời trấn giữ, dành lại từng tấc đất, để dựng cờ trên Cổ Thành Quảng Trị. Vậy mà cuối cùng đã bỏ, bỏ thật. Mọi người, từ quân tới dân đều bàng hoàng, hụt hẫng. Kế hoạch di tản và sự phối hợp, chỉ huy tồi tệ của một số tướng lãnh, đã tạo nên một cuộc bại trận đẫm máu bi thảm nhất trong lịch sử chiến tranh. Một cuộc lui quân đẫm máu trên bờ biển Thuận An, mà có những người lính gọi đó là “pháp trường cát”. Một vùng biển máu ngập những xác người, cả dân và đủ mọi sắc lính. Một quân đoàn với ba sư đoàn bộ binh thiện chiến, nhiều Liên Đoàn Biệt Động Quân dạn dày lửa đạn, những Thiết Đoàn Kỵ Binh với hỏa lực hùng mạnh, hai Lữ Đoàn TQLC của một đơn vị Tổng Trừ Bị vang danh, từng tạo nên những chiến tích lẫy lừng ở các trận chiến Mậu Thân, Quảng Trị, giờ phải lâm vào bước đường cùng, không còn lối thoát, không còn đạn để có thể chiến đấu. Nhiều người tự sát trong tiếng cười ngạo nghễ, nhiều người bị giết khi vừa bắn đi viên đạn cuối cùng, và tất cả số còn lại bị bắt bởi những tên du kích!

Chồng bà là một trong hàng vạn người lính bất hạnh ấy. Vị thiếu tá Pháo Binh đã phải phá hủy hết các khẩu pháo, từng bao nhiêu năm sống chết với mình, để chỉ tự vệ bằng cây súng cá nhân M16, rồi cuối cùng cũng phải vất đi để chiến đấu với sóng biển, với số phận, khi tìm cách bơi ra những chiến hạm Hải Quân lác lác xa tít ngoài khơi, dưới xích sắt của những chiến xa M113 cũng lội sóng đi tìm sinh lộ.

Ở Sài Gòn, mỗi ngày bà ra bến Bạch Đằng hỏi tin tức chồng mình, nhờ người em Hải quân liên lạc các chiến hạm

công tác tại Vùng I. Nhưng tất cả đều không thể cho bà một tin tức nào cụ thể. Trong cái mất mát quá lớn và khủng khiếp ấy, cá nhân một ông thiếu tá, chồng bà, trở nên vô cùng nhỏ nhoi hơn bất cứ lúc nào.

Cuối cùng thì Cộng quân cũng vào đến Sài Gòn. Người Mỹ có lệnh phải ra đi. Những người làm việc cho Mỹ hoặc có liên quan đến họ bắt đầu được ưu tiên di tản khỏi Việt Nam bằng phi cơ. Tướng Lê Minh Đảo chỉ huy Sư Đoàn 18 BB của ông cùng các lực lượng Thiết Giáp, Nhảy Dù, Biệt Động Quân, Địa Phương Quân tăng phái, đã chiến đấu thật dũng mãnh, kiên hùng, ngăn chặn hàng mấy quân đoàn địch tràn vào Long Khánh, làm cả thế giới ngạc nhiên, thán phục. Nhưng cũng chỉ cầm chân được hơn một tuần. Địch quân tránh đụng độ, mở đường sang hướng Biên Hòa để bao vây, uy hiếp Sài Gòn.

Tối ngày 29.4, người em chồng từ Hải Quân Công Xưởng mang xe về nhà đón vợ con xuống tàu. Anh thúc hối bà và ba đưa con theo ông di tản. Nhưng bà nhất quyết cùng con ở lại chờ chồng.

Miền Nam mất vào tay Cộng Sản đã hơn một tháng, chồng bà vẫn biệt tăm. Bà nghĩ chắc ông đã bị bắt, lặn lội ra Đà Nẵng tìm. Vào các trại tù nhốt những sĩ quan miền Nam hỏi thăm, nhưng không ai biết chồng bà. Bà tìm đến nhà anh tài xế cũ, nhờ đưa bà đi thăm một số đồng đội của chồng. Cuối cùng, một anh trung sĩ, người lính thân cận của ông, cho biết là ông đã chết trên biển. Chính anh cùng bơi ra với ông, và nhìn thấy ông bị thương do pháo kích của địch, rồi chìm xuống biển, nhưng anh không thể nào cứu được, bởi lúc ấy, anh cũng không nghĩ là mình có thể sống sót. Bà nhờ anh trung sĩ đưa bà ra bờ biển và chỉ nơi nào ngoài khơi mà ông đã ra đi. Nhìn những cánh hải âu lượn lờ trên mặt nước, tưởng như hóa thân của chồng mình, bà quỳ xuống khóc nức nở.

Cuộc đời đã chìm bà và cả ba đứa con xuống vực thẳm. Nhà người em bị tịch thu, kẻ chiến thắng đuổi mẹ con bà không chỉ ra khỏi nhà mà ra khỏi cả Sài Gòn. Bà dắt con chạy lên Long Khánh tá túc nhà một người bạn thân có vườn cây ăn trái, rồi mua lại một căn nhà tranh bên cạnh để sống qua ngày. Nhờ người bạn giúp, bà theo buôn bán trái cây. Cả ba đứa con phải nghỉ học, ở nhà khai khẩn thêm đất hoang, làm vườn, trồng khoai, trồng sắn.

Lo âu khôn khổ chất chồng, bà không còn biết đến thời gian. Mấy năm sau, nhờ những thùng quà của người em chồng từ Mỹ gửi về, mẹ con bà có được chút vốn làm ăn, cậu con trai lớn tập tành buôn bán thuốc tây. Bớt khổ một chút.

Nhưng đúng một cái, khi cậu con trai đầu lòng này vừa tròn 22 tuổi, thì trận chiến biên giới với Campuchia bùng nổ, Trung Cộng đòi dạy cho Việt nam một bài học. Thăng bé bị bắt “thi hành nghĩa vụ quân sự”. Bà phản đối, nêu lý do nó là con của “ngụy” sao các ông tin mà cho vào “Quân Đội Nhân Dân”. Nhưng họ vẫn nhất quyết cưỡng bách, bảo là đáng lẽ phải đi cả hai anh em, như vậy là nhân đạo lắm rồi. Cũng có thể thăng bé phải thế chỗ cho một thằng nào có tiền bạc chạy chọt hoặc quen biết bà con với đám chính quyền. Năn nỉ xin xỏ không được, bà khóc hết nước mắt tiễn con đi, làm lính cho kẻ thù. Bà đau lòng lắm, chỉ cầu mong Trời Phật và vong linh chồng bà phù hộ cho nó. Nhưng chỉ ba tháng sau, bà nhận giấy báo, đứa con trai đầu lòng của bà đã trở thành liệt sĩ! Không biết xác thân nằm ở nơi nào. Người ta chỉ mang đến cho bà tấm bằng Tổ Quốc Ghi Công. Họ vừa ra khỏi nhà, bà xé nát rồi cho vào bếp lửa. Trong ngôi nhà tranh bé nhỏ giờ có hai cái bàn thờ, leo lét ánh đèn dầu.

Giữa năm 1979, muốn cướp tài sản của những người gốc Hoa, Cộng Sản bày ra chương trình "Ra đi bán chính thức". Nhờ người em chồng ở Mỹ, liên lạc được một người lính thuộc cấp thân cận cũ gốc người Hoa Chợ Lớn, nhờ ứng vàng và lo lót cho công an, làm giấy tờ giả cho ba mẹ con bà ra đi. Ông sẽ hoàn tiền lại khi họ đến Mỹ.

Chiếc thuyền mới đóng, lớn và chắc chắn, nhưng mới ra khơi hai ngày thì hỏng máy. Hai người thợ máy đi theo lại chẳng biết gì về máy tàu, nên cuối cùng chiếc thuyền như thả trôi giữa biển mênh mông, mang theo số mạng của hơn hai trăm người. Tất cả chỉ còn cầu nguyện để mong có một chiếc tàu nào cứu thoát. Nhưng bao nhiêu lời cầu xin vẫn chưa làm động lòng Trời. Chiếc thuyền trôi dạt trên hai mươi ngày, lương thực đã cạn, và vì do không điều khiển được nên bị sóng đánh, nhiều lúc như muốn chìm. Nước tràn vào trong khoang. Mặc dù không còn sức, nhưng tất cả đàn ông đều được gọi lên trên mạn thuyền để thay nhau tát nước. Một số tháo những thanh gỗ trên đài chỉ huy, thu góp tối đa áo quần, chăn mền mang theo, đốt lên tạo thành cột khói để làm dấu hiệu cấp cứu. Con thuyền nghiêng ngả, những đợt sóng lớn đánh vào mạn thuyền, kéo theo một số người xuống biển khơi. Sinh mạng con người lúc này thật nhỏ nhoi. Ai cũng nghĩ rồi sẽ đến lượt mình. Khi tàu sắp chìm, thì Thượng Đế xuất hiện. Một chiếc tàu chở dầu của Vương quốc Nauy đã cứu họ.

Thủy thủ đoàn trên tàu rất nhân đạo, tận tình cứu vớt. Họ thi nhau dùng dây đu xuống chiếc thuyền bị nạn, ưu tiên công theo con nít và đàn bà, và giúp những người đàn ông có bám theo chiếc thang lưới, leo lên tàu. Ngay trên sàn tàu, họ sắp xếp đàn ông vào một khu, đàn bà một khu khác, rồi dùng vòi nước ngọt "tươi" lên những người bị nạn để giúp họ tỉnh táo lại, và phát quần áo mới để thay.

Sau khi hoàn hồn, không tìm thấy cậu con trai, bà và cô con gái chia nhau đi tìm nhưng không ai biết. Cả anh lính Hải quân đã giúp mẹ con bà cũng mất tích. Bà và cô con gái ôm nhau khóc nức nở, đòi nhảy xuống biển. Vị thuyền trưởng người Nauy biết chuyện nên lệnh cho cô bác sĩ đưa mẹ con bà vào phòng y tế săn sóc và bảo đảm sự an toàn. Bà bảo, nếu không nghĩ đến cô con gái út, bà đã nhảy xuống biển.

Đến định cư ở Nauy, một đất nước giàu có và đầy lòng nhân đạo, bà và cô con gái được ưu tiên sắp xếp cho định cư

ngay tại thủ đô Oslo. Mẹ con được cấp một căn nhà mới khang trang, hai phòng ngủ có đầy đủ tiện nghi. Cô con gái được theo học một trường Gymnas (trung học đệ nhị cấp) sau một khóa học ngôn ngữ Nauy dành cho người ngoại quốc.

Bà cũng được theo học tại một trường Voksengymnas (trung học dành cho người lớn). Hằng tháng, với số tiền trợ cấp đặc biệt, hai mẹ con không những sống đầy đủ mà còn dành dụm trả dần cho vợ người lính Hải quân tiền tương ứng với số vàng mà người em chồng của bà đã hứa với người thuộc cấp cũ. Người lính ân nhân này cũng đã chết trên biển cùng với đứa con trai của bà.

Cuộc sống tưởng chừng yên ả, sau khi những đau thương mất mát tạm lắng xuống, thì cô con gái trở nên kỳ lạ, thất thường sau những cơn ác mộng. Ở nhà, ban ngày chỉ đóng cửa nằm suốt trong phòng, ban đêm thức giấc la hét thất thanh. Bà phải đưa con tới trường, nhưng nhiều hôm cô bé la hét và vất tung sách vở chạy ra ngoài. Được đưa vào bệnh viện tâm thần chữa trị, nhưng không thuyên giảm. Bệnh tình ngày càng trầm trọng, mất dần trí nhớ. Thấy cô bé không còn làm chủ được mình, có thể nguy hại đến bản thân và cho người khác, Hội đồng Y khoa quyết định đưa vào một trung tâm đặc biệt dành chữa trị lâu dài. Bà không chịu, khóc lóc xin cho cô con gái được sống ở nhà, bà sẽ tự chăm sóc cho con, nhưng mọi người đều khuyên bà nên để cho cháu vào sống ở Trung tâm, để có thể chữa trị và giúp bà tự lo được cho mình. Hơn nữa, mỗi tuần Trung Tâm sẽ sắp xếp cho bà hai lần vào thăm và ở lại với con khoảng ba tiếng đồng hồ.

Đúng vào lúc này bà lại nhận thêm một tin buồn. Người em chồng vừa qua đời ở Mỹ do một tai nạn giao thông. Bà không thể sang dự tang lễ được.

Trung Tâm đặc biệt này nằm trong khu vực chúng tôi đang ở. Bà thì đã dọn về đây từ lâu rồi, sau ngày cô con gái được đưa vào sống ở đây.

Từ ngày thân tình, bà luôn đi bộ với chúng tôi mỗi ngày trên con đường dọc theo bờ sông Nitelva. Nhưng khi đến giữa cầu bà dừng lại, đứng ở đó, chờ chúng tôi trở lại, sẽ cùng về với nhau. Điều đặc biệt, thành chiếc cầu này là một tấm lưới bằng sắt sơn màu xám, trên đó có treo rất nhiều ổ khóa, cả mấy trăm chiếc. Có những cái nằm riêng một mình, có những cái khóa chung vào với hai, ba cái khác. Trên nhiều ổ khóa có khắc tên hai người, một số có tên nhiều người. Đã mấy lần, vợ chồng tôi tò mò, đứng lại xem và đọc vài cái tên trên ấy. Chỉ toàn tên người bản xứ, Nauy. Tôi nghĩ có lẽ đây là nơi hẹn hò, thề non hẹn biển của những cặp tình nhân.



Buổi chiều, sau ngày đến thăm cô con gái và ở lại nhà chúng tôi, khi cùng thả bộ tới giữa cầu, bà dắt tay chúng tôi đến một chiếc ổ khóa lớn, nằm riêng rẽ trên tấm lưới thành cầu. Cái khóa đồng, có khắc đậm năm cái tên. Mặt trước là tên của vợ chồng bà, mặt sau là tên của ba đứa con. Cũng lần đầu tiên, bà giải thích vì sao bà thường đứng một mình giữa thành cầu. Vì cứ mỗi lần nhìn xuống dòng sông phía dưới, bà đều nhìn thấy hiện lên khuôn mặt của chồng bà và hai đứa con trai. Trong cơn sóng, bà vẫn thấy họ mỉm cười với bà. Chính điều này đã giúp bà có nghị lực để sống tới hôm nay.

Mỗi năm, bà làm giỗ chung cho ba cha con vào giữa tháng ba, vì họ đều mất trong cùng tháng ba. Tháng ba, Bắc Âu đang mùa Đông, trời rất lạnh. Khoảng thời gian này, vợ

chồng tôi lại thường sang Mỹ thăm ba cô con gái, và cũng để trốn lạnh. Nhưng năm nay, chúng tôi ở lại Nauy, theo mong muốn của bà. Ước nguyện của bà là sau kỳ giỗ này bà theo chúng tôi sang Tây Ban Nha, sống trên đảo nào đó vài hôm, để bà có thể mỗi ngày ngồi trước biển, nhìn ra đại dương xa xăm, hy vọng sẽ thấy được quê hương và hình ảnh chồng và hai đứa con trai. Bà nghĩ như thế.

Trong ngày giỗ, bà khản khoản nhờ chúng tôi, trước khi trao một tờ giấy ủy quyền, để khi bà qua đời, thân xác được thiêu, và chúng tôi sẽ mang tro cốt rải xuống dòng sông Nitelva, nơi mà bà thường đứng trên cầu, mỗi buổi chiều hè, nhìn xuống đó. Bà cũng dặn dò, nhờ chúng tôi bỏ hết mấy tấm ảnh của gia đình, chồng và các con vào quan tài để cùng thiêu với bà.

Bà đi với vợ chồng tôi sang Mallorca, một hòn đảo du lịch nổi tiếng của Tây Ban Nha và ở đây hai tuần. Bà bắt buộc chúng tôi phải để cho bà bao trọn chuyến du lịch này. Theo ước muốn của bà, mỗi ngày sau khi ăn điểm tâm xong, vợ chồng tôi đưa bà ra biển, nơi có mô đất cao, được làm thành một vườn hoa rất đẹp. Bà ngồi trên ghế đá có dù che, nhìn ra một vùng biển trời mênh mông trước mặt. Không biết bà có nhìn thấy được chồng con và quê hương ở phía cuối chân trời? Chúng tôi ngại, không dám hỏi bà.

Sau chuyến đi khoảng ba tháng, bà bị bệnh. Chúng tôi đến thăm. Bà than mệt, thỉnh thoảng lên cơn ho. Tôi nghĩ bà chỉ cảm nhẹ, hoặc mùa này nhiều người bị dị ứng phấn hoa, nên đi mua thuốc cho bà. Khi mang cốc nước đến cho bà uống thuốc, tôi vỗ vai, an ủi:

- Bà chị đã trên 80 rồi, tất nhiên sức khỏe có yếu đi, hay mệt, hoặc có thể bị dị ứng phấn hoa, chứ chẳng có chuyện gì đâu"

Bà xã tôi dọn dẹp nhà cửa, nấu cơm, làm ít món ăn bà thích, và dặn dò bà phải nghỉ ngơi, không được làm việc gì, nhà cửa, cơm nước để chúng tôi lo.

Không ngờ bệnh tình ngày một nặng hơn. Chúng tôi đưa bà vào bệnh viện. Sau khi khám và làm xét nghiệm, bác sĩ cho biết trong phổi bà có nước, và có cả vi khuẩn. Tình trạng khá nguy hiểm.

Hơn một tuần sau bà mất. Là người thân duy nhất được bà ghi vào hồ sơ, chúng tôi được bệnh viện báo tin. Với tờ ủy quyền, chúng tôi nhận đứng ra lo việc an táng cho bà. Tôi đến Trung Tâm Tâm Thần, nơi cô con gái của bà ở, báo tin cho Bác sĩ Giám Đốc, và yêu cầu vào ngày tang lễ, xin Trung Tâm đưa cô con gái đến dự và chịu tang cho mẹ, theo truyền thống Việt nam

Đám tang tổ chức ngay tại nhà quản bệnh viện. Ngoài vợ chồng tôi, chỉ có cô con gái của bà và hai người của Trung Tâm Tâm Thần. Tôi cũng mời một vị sư đến niệm kinh cho bà. Cô con gái ăn mặc đúng phong cách, một bộ vest đen mới toanh, theo sự hướng dẫn của cô ý tá, cùng chúng tôi quỳ xuống trước linh cữu của bà. Không biết cô gái có biết điều gì đang xảy ra hay không? Chỉ im lặng cúi đầu. Khi vị sư choàng chiếc khăn tang vào đầu, cô đưa tay giật xuống. Không biết cô ý tá nói nhỏ với cô điều gì, rồi lấy chiếc khăn tang quấn lại trên đầu. Lần này cô bé yên lặng, chống hai tay cúi xuống.



Đúng một trăm ngày, theo ước nguyện của bà, cũng là đầu tháng bảy, mùa hè, chúng tôi mang tro của bà ra rải giữa dòng sông,

dưới chiếc cầu Nitelva, cùng lúc với những cánh hoa hồng

trắng được bỏ xuống. Loại hoa bà thường cắm trên bàn thờ chồng và hai đứa con trai của bà. Hôm ấy trời đang thật đẹp, bỗng bất chợt một cơn mưa rào. Mùa hè ở đây thường như thế. Vợ chồng tôi vội vàng chạy vào dưới tàn cây ở phía đầu cầu trú mưa, nơi mà lần đầu tiên chúng tôi đã thực sự gặp bà, để rồi sau đó trở thành thân thiết.

Chiều hôm sau, khi đi bách bộ, tôi mang theo chai Zip, chùi sạch và đánh bóng lại ổ khóa của bà treo trên thành cầu, lấp lánh năm cái tên được khắc sâu trên ấy. Nước mắt tôi bỗng trào ra, khi nhớ tới bà và câu chuyện đau thương của gia đình bà. Cả một gia đình đều là nạn nhân của Cộng sản. Một chế độ man rợ đã gây nên biết bao chia lìa tang tóc cho đồng bào và hủy hoại cả quê hương đất nước. Và đó cũng chỉ là một trong muôn vàn thảm cảnh sau ngày CS cưỡng chiếm miền Nam, xích xiềng cả nước.

Từ hôm ấy, cứ mỗi lần đi bộ, chúng tôi đều dừng lại giữa cây cầu Nitelva này khoảng vài phút, đứng yên lặng bên thành cầu, tưởng niệm vợ chồng và hai đứa con trai bất hạnh của bà.

Bệnh viện cũng đã trao lại cho chúng tôi những di vật của bà. Trong đó ngoài hai thẻ ngân hàng và mấy tấm ảnh còn có lá thư ngắn viết cho vợ chồng tôi và tờ di chúc viết bằng tiếng Việt. Bà nhờ tôi dịch ra tiếng Nauy hai bản, nhờ bệnh viện chứng nhận. Một bản trao lại cho kommune (văn phòng thị xã), một bản cho Trung Tâm Tâm Thần. Trong đó bà quyết định, tất cả tài sản, căn nhà và tiền bạc trong ngân hàng, bà xin hiến tặng cho Trung Tâm, nơi nuôi nấng chăm sóc con gái của bà. Bà chỉ có một yêu cầu, khi nào con gái bà qua đời, xin cho thiêu xác và rải tro xuống dòng sông, giữa cầu Nitelva, để cháu được đoàn tụ với bố mẹ và hai anh, khi theo dòng sông chảy ra biển và cùng nhau trôi dạt về lại quê nhà.

Phạm Tín An Ninh

CHƯA ĐI

CHƯA BIẾT

Bùi Phạm Thành k25

Chưa đi chưa biết Bến Tre,
Nếu đi sẽ thấy cá mè như nhau.
Toàn là mặt lợn đầu trâu,
Cướp nhà, cướp đất, đè đầu dân oan.

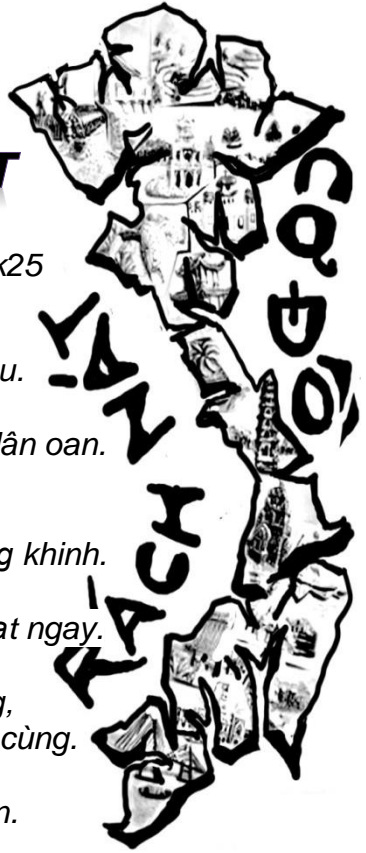
Chưa đi chưa biết Bà Đen,
Nếu đi sẽ thấy chúng hèn đáng khinh.
Tàu xâm lăng, thì làm thình,
Dân đen phản đối, tội hình phạt ngay.

Chưa đi chưa biết Bình Dương,
Nếu đi sẽ thấy đau thương vô cùng.
Thấy Tàu thì nó gập lưng,
Thấy dân thì nó lại hùng hổ lên.

Chưa đi chưa biết Vũng Tàu
Nếu đi sẽ thấy một màu tang thương.
Cầm quyền là lũ bất lương,
Thụt két, tham nhũng, một phường gian manh

Chưa đi chưa biết Cần Thơ,
Nếu đi sẽ thấy xác xơ dân mình.
Người dân khổ cực mưu sinh,
Cầm quyền chiếm đất xây dinh, dựng nhà.

Chưa đi chưa biết Đồ Sơn,
Nếu đi sẽ thấy tệ hơn đồ tôi.
Trên cao một lũ ngu ngời,
Để dân khốn khổ một đời làm than.



Chưa đi chưa biết Huế thương,
Nếu đi sẽ thấy dân thường thở than.
Lưu manh, trộm cướp làm quan,
Cướp sông, cướp cạn, dân oan kêu trời.

Chưa đi chưa biết Hải Dương,
Nếu đi sẽ thấy chuyện thường xảy ra.
Có miếng đất tốt dựng nhà,
“Lãnh đạo” nhìn hấy, thế là mất toi.

Chưa đi chưa biết Hòn Chông,
Nếu đi sẽ thấy dân không còn gì.
Trên cạn bị “lãnh đạo” đi,
Dưới biển Tàu Cộng nó đi mạnh hơn.

Chưa đi chưa biết Lâm Đồng,
Nếu đi sẽ thấy đau lòng tổ tiên.
Giang sơn một giải cao nguyên,
Để Tàu khai thác nát nghiền quê hương.

Chưa đi chưa biết Tây Ninh,
Nếu đi sẽ thấy dân tình làng quê.
Ngày xưa ruộng lúa ê hề,
Bây giờ xuất cảnh làm thuê cho Tàu.

Chưa đi chưa biết Quảng Ninh,
Nếu đi sẽ thấy hoảng kinh phận đời.
Kiện thưa khó hơn kiện trời,
Viết ra sự thật thì ngồi tù ngay.

Chưa đi chưa biết Quy Nhơn,
Nếu đi sẽ thấy chẳng hơn nhà tù.
Dân đen cho đến Thầy tu,
Bất đồng ý kiến là tù mọt gông.

Chưa đi chưa biết Sài Gòn,
Nếu đi sẽ thấy chẳng còn thân quen.
Đường xá hỗn độn, thay tên,
Công an, cảnh sát tổng tiền giữa trưa.

Chưa đi chưa biết Sông Hương,
Nếu đi sẽ thấy sông thường thờ than.
Còn đâu đất Việt dân Nam,
Giang sơn gấm vóc nó mang dâng Tàu.

Chưa đi chưa biết Nha Trang,
Nếu đi sẽ thấy từng hàng lệ rơi.
Mỗi lần nhìn ra biển khơi,
Giang sơn sao lại để trôi sang Tàu.

Chưa đi chưa biết Cà Mau,
Nếu đi sẽ thấy giặc Tàu xâm lăng.
Lãnh đạo gục mặt lặng câm,
Biểu tình, phản đối, người dân đi tù!

Chưa đến Vũng Áng bao giờ,
Hỏi xem cá chết đầy bờ vì đâu?
Trên bờ cạn, dưới biển sâu,
Giặc Tàu xâm lược đè đầu dân ta.

Chưa đi chưa biết gần xa,
Nếu đi sẽ thấy toàn là gian manh.
Từ trung ương đến thừa hành,
Thấy Tàu thì sợ chỉ hành hạ dân

*Chưa đi chưa biết Cali,
Nếu đi sẽ thấy những gì đúng, hay.
Cột đèn mà có chân tay,
Nó cũng vượt biển sang đây tức thì.*

*Thế mà cũng thấy lắm khi,
Bao người “áo gấm” bay về Việt Nam.
Hoặc là nghe lũ Việt gian,
Đem tiền mà cúng nuôi đoàn lưu manh.*

*Chúng nó đê cổ dân lành,
Đến cả những bậc tu hành chẳng tha.
Mất Hoàng Sa, mất Trường Sa,
Tây Nguyên Bauxite bán ra cho Tàu.*

*Trí thức chống đối một câu,
Đánh đập, bắt bớ, nhốt sâu trong tù.
Quả là lũ “lãnh đạo” ngu,
Đôi tai đã điếc, mắt mù đã lâu.*

*Hỡi người dân Việt toàn cầu,
Đoàn kết chống cộng, chống Tàu ngoại xâm.
Một ngày mai sẽ thật gần,
Cờ vàng rực rỡ ba phần Việt Nam.*

Bùi Phạm Thành k25

Kỳ 2 (Hết)

CHUẨN TƯỚNG TRẦN VĂN HAI TRÊN CHIẾN TRƯỜNG CHU PAO

PHẠM PHONG DINH

Trung Tá Hưng, một sĩ quan luống tuổi đã có trên hai mươi năm lăn lộn ngoài mặt trận, một người trầm tĩnh đến độ lạ thường. Cạnh ông còn có Thiếu Tá Lan, Thiếu Tá Bảy, những sĩ quan Biệt Động Quân can trường ngoài mặt trận, mà lại mang tiếng là “ba búa” khi về hậu cứ. Cả hai vị này trên đầu không có một sợi tóc. Cao trọc cho nó mát và khỏi phải bận rộn. Đó là lời nói nửa đùa nửa thật của Thiếu Tá Lan với tôi, khi lần đầu tiên tôi được gặp ông giữa mặt trận. Binh sĩ dưới quyền ông đều gọi vị chỉ huy của họ với hỗn danh “Thiếu Tá Trọc”. Nhờ ở đức tính trầm tĩnh hiếm có của Trung Tá Trần Lý Hưng, nhờ tài thao lược và lì lợm một cách dễ thương của hai vị Thiếu Tá Tiểu Đoàn Trưởng Biệt Động Quân, mà Chiến Đoàn 3 đã chuyển bại thành thắng bằng những pha đánh đấm thật hào hùng, hơn cả những phim combat trên màn bạc.

Khi trận chiến xáp lá cà giữa quân ta lọt ổ phục kích với khoảng một tiểu đoàn địch, thì tôi đến bằng một chuyến trực thăng tiếp tế lựu đạn. Trung Tá Hưng gọi về Bộ Chỉ Huy Chiến Thuật xin tiếp tế khẩn cấp những loại lựu đạn ném tay để binh sĩ đánh cận chiến. Cái khó của Chuẩn Tướng Hai là làm cách nào để đưa được đạn được đến địa điểm lâm trận. Hỏa lực phòng không địch bắn lên như mưa bắc mỗi lần có bóng dáng một chiếc phi cơ quanh lượn trên vòm trời này. Từ lưng chừng những trái đồi vây quanh Căn Cứ 41, hàng trăm ổ phòng không của địch đặt sẵn từ lúc nào. Chỉ trong khoảnh khắc ngắn ngủi, Bộ Tư Lệnh Lữ Đoàn 2 Kỵ Binh quyết định bằng mọi cách phải đưa trực thăng mang

đạn cho Chiến Đoàn 3 đánh trận. Phi tuần trực thăng của Không Đoàn 72 Chiến Thuật tức trực sẵn sàng trước bãi đáp cạnh Căn Cứ 42. Các loại lựu đạn ném tay mang từ xe M 548 (một loại xe bánh xích dùng chuyên vận của Thiết Giáp) chất đầy bốn chiếc trực thăng. Vấn đề còn lại là làm cách nào đưa được nó đến Căn Cứ 41, nơi đang xảy ra cuộc phản phục kích ác liệt. Động cơ trực thăng quay đều và chờ đợi... Một quyết định bất ngờ được ban ra. Một phi tuần A 37 được lệnh tháp tùng phi tuần trực thăng tiếp tế. Phi tuần A 37 giữ nhiệm vụ dụ phòng không địch ra khỏi vòng chiến cho trực thăng thả đồ tiếp tế xuống trận địa. Kế hoạch đã được trù liệu chí lý và phải thi hành nghiêm chỉnh. Hai trong số bốn chiếc A 37 vẫn vũ trên không phận Chu Pao dụ phòng không địch. Khu trực nhào lộn như những anh thợ xiếc đu dây quanh ba trái đồi Chu Pao, Chu Thoi, Chu Pou, đạn địch từ những ổ phòng không nhả đầy như đan lưới.



Địa thế Đèo Chu Pao thật hiểm trở

Những màn lửa đỏ sáng rực trời chiều. Hai chiếc A 37 còn lại rời phi trường Pleiku ngay sau khi phát giác hoàn

toàn các ổ phòng không địch từ bên dưới bắn lên. Thế là một trận mưa bom trút xuống tới tấp trên từng hang hóc một cách vô cùng chính xác các khẩu phòng không địch bên dưới. Kỹ thuật ném bom CBU vô cùng ngoạn mục của pilot Không Đoàn 72 Chiến Thuật đã làm hàng ngàn chiến sĩ có mặt hôm đó dọc Quốc Lộ 14 vỗ tay tán thưởng nhiệt liệt. Từng loạt mưa bom trút xuống đầu địch đen ngòm khi đứng từ xa nhìn lại. Năm phút sau những tiếng nổ long trời lở đất kéo dài triền miên như sóng gầm, biển động, làm rung chuyển ngã đổ cây rừng. Những nắp hầm phòng thủ tại Căn Cứ 41, 41A, 42A tung lên cao cả thước. Nhiều cột khói cao mấy mươi thước ngùn ngụt bốc lên trời xanh. Sau đó những tiếng nổ chát chúa nối nhau liên tiếp hàng nửa giờ đồng hồ. Bấy giờ các phi công mới báo về cho biết là đã phá hủy hoàn toàn một kho đạn lớn của địch dưới chân núi Chu Pao. Một chiến thắng không dự tính trước. Nhiệm vụ của phi tuần A 37 là đánh phá các ổ phòng không địch cho phi tuần trực thăng thả đạn được tiếp tế xuống Căn Cứ 41. Thế thôi. Và nhiệm vụ đó phi tuần A 37 đã hoàn tất, chẳng những thế họ còn tạo được một kỳ công, mà trong những ngày về sau này người ta mới đo lường được sự ích lợi lớn lao của nó.

Trong những ngày sau đó, địch quân ngưng ngay những cuộc pháo kích xối xả vào các căn cứ dọc Quốc Lộ 14 như những ngày đầu tiên xảy ra trận chiến. Phải chăng đó là do công của các chiến sĩ Không Đoàn 72 Chiến Thuật đã phá hủy kho đạn được khổng lồ dưới chân đồi Chu Pao? Phi tuần trực thăng đã đưa được tất cả đạn được đến Căn Cứ 41 mà không gặp một sự kháng cự nào của phòng không địch. Trận chiến tại căn cứ này ngay sau đó nghiêng hẳn phần thắng về phía các Chiến Sĩ Chiến Đoàn 3. Lính Thiết Kỵ và chiến xa không dùng đại bác, đại liên trên xe của họ, mà dùng hoàn toàn lựu đạn ném tay từ trong xe vút khỏi thành. Binh sĩ Biệt Động Quân và Thiết Giáp sử dụng cả những chiếc M 113 bất động vì đạn địch làm bể bánh xích, hoặc bể máy. Bấy giờ, chiến xa đã trở thành những pháo đài nổi ngăn chặn làn sóng xung phong ồ ạt của địch. Cộng quân từ bên dưới các giao

thông hào chui lên đánh cận chiến với các chiến sĩ BĐQ và Thiết Giáp.

Khi địch chấp nhận rời khỏi giao thông hào là chấp nhận sự thua thiệt lớn lao về phía họ. Bởi vì, chui rúc dưới các giao thông hào địch đã gây nên những trở ngại lớn lao cho quân ta, nhất là cho việc điều động thiết giáp. Trong một địa thế hoàn toàn rừng rậm với những mô đá lớn, địch ôm súng nấp dưới hầm, thỉnh thoảng ngóc đầu lên nhắm bắn, thì hoặc là ta thiệt hại, hoặc phá hủy được xe cộ của ta, đằng nào ta cũng thua thiệt. Trong khi đó, thiết giáp không thể nào điều động được ở địa thế như vậy. Do đó, vấn đề trước tiên theo Trung Tá Hưng, người chỉ huy trận phản phục kích hôm đó đã cho biết, là làm thế nào dụ địch ra khỏi các tuyến thông hào mà chúng tạo sẵn. Vị sĩ quan này cho biết tiếp, khi cánh quân đi đầu của ông lọt vào chiếc bẫy địch giương sẵn, thì lập tức ông điều động các cánh quân còn lại tạo thành một vòng quân quanh trận địa để cầm chân địch, phòng hờ chúng tháo lui. Một mặt, toán quân bị phục kích cố gắng chống trả vùng vẫy ra khỏi gọng kìm của giặc càng xa càng hay. Trong khi đó ông gọi phi pháo đến đổ bom CBU xuống các tuyến thông hào. Sự tai hại của loại bom nổ chậm này thật ghê gớm.



Không Quân VNCH xuất kích

Thường thì khoảng 5 đến 10 phút sau khi bom chạm đất mới phát ra tiếng nổ, binh sĩ ta có thì giờ tránh xa tầm sát hại. Về phía địch hoặc chúng chấp nhận gục chết tại chỗ, hoặc chịu rời khỏi vị trí để lên đánh cận chiến với quân ta. Lúc đó Thiết Giáp dễ dàng làm cỏ địch quân. Chính nhờ vào ưu thế của phi pháo với các loại bom CBU mà Chiến Đoàn 3 đã anh dũng phản lại trận phục kích lịch sử của Trung Đoàn 95B tại Căn Cứ 41. Chiến Đoàn đã chuyển bại thành thắng, thắng một cách vẻ vang với 272 tên phơi xác trên các tuyến hào dài gần 3 cây số. Hàng trăm vũ khí đủ loại của địch còn vung vãi ngay trên trận địa, nhiều nhất là súng chống chiến xa B 40, B 41 và 75 ly không giật.

Đã gần mười năm lăn lộn với các chiến sĩ ngoài mặt trận tại hầu hết các trận đánh xảy ra trên những vùng rừng núi Tây Nguyên, dù không một tấc sắt trong tay, tôi cũng đã xông xáo ở những tuyến đầu của các mặt trận lớn như Đức Cơ, Pleime, Chu Prong, Đức Lập, Dakto, Benhet, Bồng Sơn, Tam Quan, Phù Củ, An Lão, Đổ Xá,... Nhưng phải thú thật một điều, mặt trận ở những nơi đó chưa bao giờ tôi thấy nó kỳ khôi và dai dẳng như những trận đánh đang diễn ra tại Quốc Lộ 14 này. Chiến trận kéo dài hàng tháng mà dường như chẳng phân định được thắng bại. Mặt trận kéo dài từ ngày 24.5.1972 mãi đến ngày 10.6.1972, phía Việt Nam Cộng Hòa với một lực lượng quá hùng hậu vẫn không giải tỏa được áp lực địch dọc theo quốc lộ, nhất là vùng rừng núi Chu Pao. Hai Chiến Đoàn Biệt Động Quân với một Trung Đoàn Thiết Giáp khi tiến đến Căn Cứ 41 dưới chân núi Chu Pao là chùng bước ngay ở đó trong suốt hai tuần lễ. Có khi từ suốt sáng tới chiều, cánh quân mở đường không tiến quá 20 thước đất về phía Tây Quốc Lộ 14.

Lực lượng địch ngoài Trung Đoàn 95B của Mặt Trận B3 cộng sản, khi chiến trường trở nên sôi động, cộng quân tăng cường thêm Trung Đoàn 42 thuộc Sư Đoàn 320 Thép từ Kontum đổ xuống cùng một số đơn vị khác thuộc B3 từ mặt khu 609, vượt con sông Poko tiến về phía Nam Chu Pao án ngữ và khép chặt đoạn đường từ Pleiku đến Căn Cứ Hỏa Lực

41. Xem thế đủ biết chủ đích của địch là cô tâm, bằng mọi cách cắt đứt cho bằng được QL14. Chúng cố gắng cầm chân một số lực lượng lớn của VNCH, chặn mọi đường tiếp tế vào Kontum, ngõ hầu nuốt trửng thị trấn này. Khúc xương Chu Pao đã trở thành khó nuốt đối với các cấp quân sự tại Bộ Tư Lệnh Quân Khu II. Lực lượng cứ bị tổn hao dần mòn mà không thể nào giải tỏa được đoạn đường dài 5 cây số qua Chu Pao. Dựa vào địa thế hiểm trở, hang hốc và những mô đá lớn, cộng quân cố bám sát đơn vị ta.

Nếu cánh quân mở đường buổi sáng tiến được một quãng ngắn, thì buổi chiều địch dồn lực lượng bọc hậu. Thế là lực lượng bạn phải đánh tháo lui để giải tỏa áp lực địch. Cứ thế trận chiến dây dưa, giằng co ngày này sang ngày khác. Điều khó khăn nhất cho Chiến Đoàn 3 Thiết Giáp và Liên Đoàn 6 BĐQ khi đến Căn Cứ 41 là phải dậm chân tại chỗ. Địa thế không cho phép điều động Thiết Giáp. Các lực lượng bộ binh thì bị địch áp dụng thế cài răng lược đành bó tay. Trong khi đó, giữa Căn Cứ 41 với 42A, địch mở một phòng tuyến dài hai cây số để khẹp chặt các đơn vị ta đang trú đóng dưới chân Chu Pao. Như vậy việc tiếp tế bằng đường bộ cho các đơn vị ở Căn cứ 41 đã trở thành vô cùng khó khăn. Hàng ngày những chuyến tiếp tế bằng loại Thiết Giáp M548 luôn luôn gặp trở ngại. Khi thì bị chặn đánh, lúc thì bị mìn chống chiến xa. Một chuyến tiếp tế đến được Căn Cứ 41 là sẽ đón nhận hàng ngày tiếng vỗ tay hoan hô của các đơn vị chờ đợi. Trục thăng trong thời gian này hầu như bó tay bởi hỏa lực phòng không của địch quanh vùng Chu Pao. Đến ngày thứ 17, Bộ Chỉ Huy Chiến Thuật dưới quyền chỉ huy của Chuẩn Tướng Hai và Đại Tá Dung quyết định mở một con lộ mới mà sau này được báo chí trong và ngoài nước mệnh danh là Quốc Lộ 14 bis, để đưa các đoàn xe tiếp tế vào Kontum.

Việc đầu tiên trong kế hoạch này là làm thế nào đưa cho được các đơn vị Thiết Giáp và Biệt Động Quân ở chung quanh vùng Chu Pao trở về Căn Cứ 42, điểm xuất phát đầu tiên. Phi pháo đã được sử dụng tối đa để đánh phá ngọn đồi máu 909 nằm giữa Căn Cứ 41 và 42A. Sự việc chẳng phải để

dàng như mọi người tưởng, bởi khi địch quân tạo tuyến bọc hậu này đã cho đào những công sự chiến đấu hết sức kiên cố. Giao thông hào chằng chịt và địch đã sử dụng một hỏa lực hùng hậu gồm toàn những vũ khí chống chiến xa như B40, B41, 75 ly không giật,... Phi pháo hầu như không ăn nhập gì với các hố chiến đấu đào sâu trong các hang đá và gốc cây lớn. Địch nằm đó chờ đợi và chỉ xuất hiện khi có quân ta bèn mảng đến đó. Nhưng rồi việc đến phải đến...

Vượt phòng tuyến địch bằng qua đồi máu

Chiều hôm đó trời đổ mưa sớm. Mới 5 giờ, bóng tối đã tràn ngập vùng đồi núi Chu Pao. Tại Căn Cứ 41, Chiến Đoàn 3 và hai Liên Đoàn Biệt Động Quân nhận được lệnh trở lại Căn Cứ 42 để nhận nhiệm vụ mới. Kế hoạch phải hoàn tất trước 8 giờ đêm, nghĩa là các đơn vị phải rời khỏi vùng Chu Pao để có mặt ở Căn Cứ 42 trước 8 giờ tối. Mưa đổ nặng hạt. Gió thổi mạnh từ hướng Hạ Lào đổ về mang theo cái lạnh thấu xương. Chiến Đoàn Thiết Giáp được lệnh mở đường máu để đưa các đơn vị Biệt Động Quân vượt qua phòng tuyến địch ở Đồi 909. Chi Đoàn 1/3 Chiến Xa đi đầu. Khi động cơ chiến xa nổ ran, mọi người bắt tay nhau thật chặt, nhìn sâu vào mắt nhau như ngầm hẹn nhau điều gì... Giây phút ấy thật cảm động. Tất cả lặng lẽ âm thầm, chẳng ai nói với ai điều gì ngoài những tia nhìn thật nồng nàn tha thiết. Nhưng trong khóe mắt người ta đọc được ở nhau trăm sự “quái gở” không tiện nói ra bằng lời. Đại Úy Hưng, Chi Đoàn Trưởng Chi Đoàn 1/3 Chiến Xa siết chặt tay tôi :

- Anh tính theo xe nào, xe tôi chẳng? Tùy anh, với chuyến đi này thật tình tôi không dám có ý kiến anh nên theo xe nào.

Tôi buồn buồn trả lời anh Hưng :

- Tôi tin ở số mạng, Đại Úy đừng quá lo cho tôi.

Đoàn xe chuyển bánh, tôi nghe rõ tiếng xích sắt nghiền trên mặt nhựa quốc lộ. Tôi trèo lên chiếc M113 đi thứ nhì. Đại Úy Hưng lúc đầu xe anh đi trước tiên, không hiểu sau anh lại bấm máy gọi Trung Úy Minh lên dẫn đầu đoàn xe và xe anh lui về thứ năm. Tôi nghe qua âm thoại tiếng nói Trung Úy Minh :

- Bắc Đầu đi tiên phong để tôi lo các con cho Bắc Đầu.
- Không. Tôi đã nghĩ kỹ rồi. Bạn dẫn năm đứa con đi trước đi, đừng lo cho tôi. Thi hành lệnh tôi ngay đi kẻo trễ cả.

Những sự nhường nhịn đó thật sự ít khi xảy ra trong việc điều động Thiết Giáp. Về sau này, khi nằm nghĩ lại, tôi cho đó là số mạng chẳng. Dưới cơn mưa tầm tã, đoàn quân xé thùng màn đêm vượt qua đồi máu 909. Năm chiếc xe đi đầu chờ đầy Biệt Động Quân vượt qua được phòng tuyến địch. Tôi nghe giọng êm ái của Trung Tá Hưng qua máy :

- Sao Mai mạnh khỏe lắm rồi, Bắc Đầu và Thanh Lan tiếp tục du lu (di chuyển).

Tiếng nói vừa dứt thì hàng trăm tiếng đạn B40 từ trong phòng tuyến địch bắn ra xối xả. Hệ thống âm thoại vang lên một giọng nói đứt quãng :

- Bắc Đầu ngã bệnh, Cua gãy còng, hai Tổng Thống, bốn Bộ Trưởng (Xe của Đại Úy bốc cháy, 2 tử thương và 4 bị thương).



Chuẩn Tướng
Trần Văn Hai, Tư
Lệnh Mặt Trận Chu
Pao, 1972

Trung Tá Hưng vớt chiếc ống liên hợp trên tay ôm mặt khóc nức nở. Và những giây phút sau đó ông ngất xỉu trên xe cho mãi đến khi đoàn quân rút về đến Căn Cứ 42 lúc nửa khuya. Thiếu Tá Triết, Chiến Đoàn Phó thay ông chỉ huy Chiến Đoàn trong thời gian

Trung Tá Hưng ngất xỉu khi hay tin Đại Úy Hưng tử thương.

Hỏa lực địch càng lúc càng dữ dội, đoàn xe cố gắng vượt qua ngọn đồi máu. Xúc Đại Úy Hưng cùng với hai binh sĩ của ông đành bị bỏ lại với chiếc xe mà ông hết lòng mến yêu, dưới cơn mưa tầm tã. Cả Chiến Đoàn đều rung rung nước mắt khi hay tin Đại Úy Hưng tử thương một cách tức tưởi.

Trên Quốc Lộ 14 bis và những thành công bất ngờ

Quyết định của Chuẩn Tướng Hai cho mở con lộ mới 14 bis đã khiến cộng quân vô cùng bối rối. Chiến trường quanh vùng đồi núi Chu Pao địch đã sửa soạn sẵn sàng từ một tháng trước, bỗng dưng trở thành vô dụng khi các cánh quân Việt Nam Cộng Hòa mở con lộ mới ngang qua Trại Lý Thái Tổ, giẫm lên vùng rừng rậm Pleite để đi vào thị trấn Kontum. Tất cả đều hoàn toàn bất ngờ với hai trung đoàn địch án ngữ mặt Chu Pao. Cộng quân tức khắc di chuyển Trung Đoàn 42 về Pleite, phía Tây Nam đồi Chu Pao, Chu Thoi. Bộ Chỉ Huy Trung Đoàn địch đóng ngay trong một khu rừng rậm bên kia con suối Lơ, mà sau này các chiến sĩ Thiết Giáp và Biệt Động Quân mệnh danh là Suối Máu.

Theo kế hoạch trù liệu, con lộ 14 bis phải băng ngang qua vùng Pleite. Cái khó khăn gặp phải về phía ta là phải làm đường mới, nghĩa là phải đắp đường làm cầu ngang các con suối chạy dọc theo quốc lộ mới này. Trên bản đồ nhìn thấy có cả thủy chín con suối phải vượt qua. Các Đại Đội Công Binh Chiến Đấu thuộc Liên Đoàn 20 Công Binh Chiến Đấu là những chiến sĩ đã đóng góp xương máu lớn lao trong cuộc giải tỏa Kontum. Họ vừa phải chiến đấu với địch, vừa hì hục ủi đường, bắt cầu cho Thiết Giáp di chuyển về mạn Kontum. Trên đoạn đường mới này, những trận đụng độ lớn liên tiếp xảy ra, nhất là khi đoàn quân phải vượt qua những con suối. Tại những nơi đó, cộng quân đã rải quân sẵn chờ đợi. Tuy nhiên nhờ vào địa thế hoàn toàn mới mẻ với địch, cộng quân không chọn lựa được chiến trường vì hoàn toàn bị động, do đó mà lực lượng ta dễ dàng thanh toán các mục tiêu. Kế hoạch trù liệu đã bằng mọi cách, những đoàn quân xa tiếp tế đầu tiên phải vào thị xã trước ngày Quân Lực 19.6.1972.

Mãi đến chiều ngày 18.6.1972, Chiến Đoàn 3 Kỵ Binh và bốn Tiểu Đoàn BĐQ còn kẹt bên này con suối cuối cùng trong số chín con suối vắt ngang QL14 bis. Từ miệt Kontum, hai Tiểu Đoàn Biệt Động Quân đã được trực thăng vận xuống ngã ba Tân Phú, để từ đó đánh bật các lực lượng địch án ngữ lối vào thị trấn Kontum. Tướng Hai luôn luôn có mặt ở cánh quân đi đầu. Trực thăng chở Tướng Hai lúc thì vùn vủ trên không, khi thì đáp ngay xuống trận địa để khuyến khích tinh thần binh sĩ. Lúc nào các ông Tá, ông Ủy cầm quân ở dưới đất cũng nghe giọng nói rần rỏi nhưng không kém phần dịu dàng êm ái của Tướng Hai :

- 22 đó phải không (Tiểu Đoàn 22 Mũ Nâu)? Anh Hai đây em. Gắng lên em. Hàng ngàn đồng bào đang chờ chúng ta ở ngã ba Tân Phú. Cố gắng lên em.

Đại loại những lời thăm hỏi và khuyến khích như vậy của Chuẩn Tướng Trần Văn Hai với các Trung Đoàn Trưởng, Tiểu Đoàn Trưởng đang từng phút từng giờ tranh với địch từng tấc đất để mở con lộ mới đi vào thị trấn Kontum. Cộng quân dường như biết được chủ đích của ta phải hoàn tất cuộc hành quân trong một thời gian nhất định, chúng ta tập trung toàn lực vào ngày cuối cùng của cuộc hành quân dai dẳng này. Địch đã tạo thành những tuyến dài bên kia con suối máu, dồn hỏa lực vào cánh quân đi đầu gồm Thiết Giáp và BĐQ, quyết không cho lực lượng bạn thiết lập cây cầu cuối cùng này. Hai Tiểu Đoàn Biệt Động Quân cùng một Chi Đoàn Chiến Xa và Chi Đoàn Thiết Kỵ vẫn không tài nào lọt qua được phòng tuyến địch. Sau cùng Thiếu Tá Triết, người thay thế Trung Tá Hưng vừa bị trọng thương ngày hôm trước, đảm nhận chức vụ Chiến Đoàn Trưởng Chiến Đoàn 3, phải đưa ra một quyết định tương đối bạo phổi : Áp dụng chiến thuật Nhị Thức Bộ Binh – Thiết Giáp. Thiết Giáp yểm trợ tối đa cho bộ binh chọc thủng phòng tuyến địch. Lúc đó là khoảng 2 giờ chiều ngày 19.6.1972.

Tất cả các đơn vị Kỵ Binh dàn hàng ngang vượt qua suối ở những khúc nông. Không còn đủ thì giờ để làm cầu. Phải vượt qua suối bằng mọi cách. Xe nào bê bánh xích thì nằm tại chỗ làm pháo đài nổi yểm trợ hỏa lực. Các đơn vị

Biệt Động Quân dàn thành hình cánh cung tiến trước đầu xe Thiết Giáp. Cùng một lúc, tất cả các lực lượng trên tiến thẳng vào mục tiêu với tất cả hỏa lực sẵn có. Quyết định trên lúc đầu khiến nhiều sĩ quan bộ binh nghi ngờ, và họ chấp nhận thi hành một cách dè dặt. Bởi thực tình, qua gần một tháng hành quân, quân số tại các tiểu đoàn đã hao hụt khá nhiều. Đây là canh bạc cuối cùng, bao giờ cũng khiến con bạc dè dặt, lo ngại nếu không may thất bại. Tuy vậy không còn cách nào khác hơn, nếu không muốn nhận chịu sự hao mòn lực lượng dần dần mà chẳng thanh toán được cái gai trước mắt. Lúc 2 giờ 30 chiều, lệnh tấn công của Chuẩn Tướng Hai được thi hành.



Quân ta vào thành phố

Không có giây phút nào khiến người trong cuộc nao nao hồi hộp bằng cái giây phút trước giờ phản công này. Chiến xa khai hỏa dữ dội, người ta chỉ còn nghe

tiếng hò hét và tiếng súng rung chuyển cả một khúc rừng. Cây cối nhào ngã và bốc cháy. Địch những giây phút đầu chống trả vô cùng mãnh liệt, tiếng hò xung phong át hẳn tiếng réo gào của động cơ chiến xa và súng đại bác. Nhưng nửa giờ sau đó, khi bộ binh và Thiết Giáp lù lù lăn mình vào mục tiêu bất kể những thiệt hại, cộng quân bất ngờ bỏ chạy tản mạn về hướng Tây Bắc. Trục thẳng và bốn phi tuần A37 liền được điều động đến truy kích địch. Mọi người tưởng đã thanh toán được cái xương mắc ngang cổ. Nhưng không, toán quân vừa bỏ chạy chỉ mới là một đơn vị nhỏ của địch, khoảng hai đại đội có nhiệm vụ án ngữ mặt tiền của phòng tuyến. Chiếc bẫy địch giương sẵn đang nằm sâu bên trong khu rừng rậm. Chính tại đây, các lực lượng ta đã gặp phải sức kháng cự vô cùng ác liệt của địch và chịu những tổn thất

tương đối nặng nề, nhất là về quân dụng. Địa thế khá hiểm trở đã gây khó khăn cho việc điều động Thiết Giáp, nhất là các loại vũ khí chống chiến xa của địch phải nhìn nhận là dữ dội. Thiết Giáp không thể nào tiến sát được vào mục tiêu để yểm trợ hữu hiệu cho bộ binh. Không tiến được tức phải dừng lại và như vậy thì chẳng khác nào làm bia cho địch.

Sau cùng, Thiếu Tá Triệt đưa tất cả các chiến xa và thiết kỵ ra khỏi phòng tuyến địch rẽ về phía Tây Bắc đánh bọc hậu. Chính nhờ quyết định nhanh chóng và kịp thời này, Thiết Giáp bảo toàn được lực lượng tối đa. Và cũng nhờ sự điều động tài tình đó làm cho phòng tuyến địch bị vỡ phía sau. Một điều mà cộng quân không tính trước, bởi chúng không thể ngờ ”CÁI LIỀU MỘT CÁCH CÓ TÍNH TOÁN”, hay đúng hơn, đó là cái may mắn bất ngờ mà binh pháp không trừ liệu được. Khi ba Chi Đoàn Kỵ Binh bọc hậu,



cộng quân tan ngay hàng ngũ. Một số đồng rôi hỏ chiến đấu bỏ chạy về hướng ngọn đồi trọc, bởi hướng đó là lối thoát duy nhất còn lại cho chúng tháo lui. Nhưng đồng thời đó cũng là tử đạo mà

Trung Đoàn 42 cộng sản phải chấp nhận để vùi thây ở đó. Trục thẳng võ trang đã có sẵn trên không khi nào chịu để cho cộng quân tháo lui dễ dàng như vậy. Phòng tuyến cuối cùng của địch là cánh quân ở hướng Đông Nam khu rừng rậm chưa bị đánh cũng đã bỏ chạy tán loạn. Cánh quân này không tháo chạy về hướng đồi trọc được, bởi hướng đó máy bay đang truy kích gắt gao đám tàn quân tháo chạy lúc nãy. Túng thế, địch giãm bừa lên Tiểu Đoàn 96 Biệt Động Quân để chạy về hướng Tây Nam. Tại đây đã có hai Chi Đoàn Thiết Giáp án ngữ và đuổi theo chúng.

Một chuyện bất ngờ khác xảy ra, đưa đến chiến thắng rạng rỡ cho buổi chiều hôm đó. Khi Thiết Kỵ M113 và chiến xa M41 truy kích đám tàn quân cuối cùng bỏ chạy, vô tình

đã phát giác ra Bộ Chỉ Huy Trung Đoàn 42 cộng quân. Lương thực, vũ khí, các hệ thống truyền tin còn để ngổn ngang nơi đây, quần áo, võng treo lơ lửng trên cây. Hấp dẫn nhất là có khoảng 20 con heo vàng ngoảnh còn treo nguyên chưa động đậy đến. Sau này, khi khai thác cung từ của các tù binh bắt được chiều hôm đó, người ta mới vỡ lẽ là cộng quân chuẩn bị khao quân vào tối ngày 19.6. Chúng tính chắc như bấp là thế nào cũng phải tiêu diệt hoàn toàn cánh quân mở quốc lộ mới khi vượt qua con suối cuối cùng vào chiều hôm đó. Nhưng tất cả đã xảy ra hoàn toàn trái ngược lại những tính toán của cộng quân. Ấu đó cũng là số phận vậy, bởi mưu sự tại nhân nhưng thành sự đôi khi cũng tại thiên.

Trong tiếng reo hò của hàng vạn đồng bào Kontum

Khi Chiến Đoàn 3 và bốn Tiểu Đoàn Biệt Động Quân phá vỡ phòng tuyến cuối cùng của địch, giã nát Bộ Chỉ Huy Trung Đoàn 42 CSBV, lúc đó đã gần 5 giờ chiều. Đoàn quân trực chỉ ngã ba Tân Phú để bắt tay với hai Tiểu Đoàn 22 và 23 Biệt Động Quân chờ đợi ở đây. Sau đó, từ ngã ba Tân Phú, đoàn quân khai thông Quốc Lộ 14 đi vào thị trấn Kontum trong tiếng reo hò của hàng vạn đồng bào đã chờ đón đoàn quân từ lúc tảng sáng. Giây phút huy hoàng này khiến bao chiến sĩ mừng mừng tủi tủi. Hàng ngàn tấn trái cây



đu loại để sẵn bên đường, đồng bào chen lấn nhau vút trái cây lên xe cho binh sĩ. Huy chương và cấp bậc mới chói sáng trên vai những chiến sĩ hữu công. Họ đáng được lãnh nhận cái vinh dự

lớn lao đó mà đồng bào Kontum đã dành cho họ. Tuy nhiên họ cũng ngậm ngùi nghĩ tới bằng hữu đã gục ngã trên đoạn đường máu trước khi đến được Kontum trong suốt 29 ngày ròng rã trôi qua. Một Trung Úy Kỵ Binh vừa được thăng Đại

Úy đã tâm sự với tôi, anh nghĩ anh rất xứng đáng khi nhận lãnh ân thưởng này. Tuy vậy, không hiểu sao anh lại thấy xót xa thay vì sung sướng khi được trao gắn cấp bậc mới này. Anh nghĩ tới bạn bè anh kẻ gục ngã tức tưởi, kẻ suốt đời chịu sự tàn phế. Anh chẳng thấy vui gì. Tôi nghĩ anh nói thật với lòng mình khi tâm sự như vậy. Và đó cũng là ý nghĩ chung của nhiều người, của những người trực tiếp dự phần đóng góp máu xương trong cuộc hành quân giải tỏa QL14 này.

Những thách thức của Bắc quân trước ngày khởi sự hành quân : Ai chiếm được Chu Pao, kẻ ấy làm chủ Quốc Lộ 14. Ai làm chủ Quốc Lộ 14, kẻ ấy làm chủ Kontum. Lời thách thức ấy nay đã trở thành giọng điệu khoác lác, một thứ xảo ngôn. Tuy nhiên, đề lời thách thức kia trở thành xảo ngôn, chúng ta cũng đã phải trả một giá thật đắt. Viết đến đây, tôi bỗng nhớ đến hai câu thơ trong một bài thơ của Lâm Hảo Dũng đã đọc cho tôi nghe khi hai đứa gặp nhau ở Căn Cứ Hỏa Lực 41 :

Chu Pao ai oán hồn trong gió,
Mỗi chiếc khăn tang một tác đường.

Có lẽ chỉ cần chừng ấy ngôn ngữ đã đủ nói lên những gian nguy khôn khổ mà người chiến binh Việt Nam Cộng Hòa phải gánh chịu ròng rã 29 ngày trên một đoạn đường dài không đầy 50 cây số. Mỗi chiếc khăn tang một tác đường ! Bao nhiêu máu, mồ hôi và nước mắt đã nhỏ xuống trên từng thước đất quanh vùng Chu Pao để đưa được đoàn xe tiếp tế lần đầu tiên, sau hơn hai tháng nghẽn đường, đi vào được thị trấn Kontum. Những gì mà người viết ghi lại trong bài chiến sự này, thì chủ yếu cũng chỉ muốn nói lên một phần nào đó những nỗi khổ cực gian nguy cùng tinh thần chiến đấu dũng cảm can trường của người lính hôm nay. Thế thôi. Và nếu chẳng may chủ ý nhỏ nhoi đó không đạt được, thì đó là cái bất tài và là niềm bất hạnh của người viết. THẬT ÂN HẬN VÔ VẠN. Tây Nguyên, đầu mùa mưa năm 1972. Kim Tuấn-Vũ Hoàng.

Phạm Phong Dinh